

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/DS-PT  
Ngày 06-6-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hữu Giàu.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Hoàng;  
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Do Bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2023/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 149/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần C.P. Việt Nam; trụ sở: KCN Biên Hòa II, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông MS, chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

- Bà Cao Thị Hà G, sinh năm 1978 (có mặt);
- Ông Lê Chí Hải Đ (vắng mặt);

Cùng địa chỉ liên hệ: Văn phòng Luật sư Cao Đức N, Số 277, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/4/2022 của Công ty Cổ phần C.P. Việt Nam).

- *Bị đơn:* Ngân hàng TMCP Xăng dầu P; trụ sở: Số 229 S, phường S, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Nguyễn Quang Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Hương N - Phó Trưởng Phòng phụ trách Phòng Pháp chế và Tuân thủ (vắng mặt);

2. Bà Hà Hồng C - Chuyên viên pháp lý Phòng Pháp chế và Tuân thủ (có mặt);

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 229 S, phường S, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1969; nơi thường trú: Số 19M8 đường P, khóm 9, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: 1444 đường Đ, phường X, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 09/2020/UQ-TGD ngày 14/9/2020 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu P).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Lâm T, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Lâm T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Bá G, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 614/31 đường Đ, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số 12B/1 đường C, khóm 1, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Ông Bạch Phước H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 12A/1 đường C, khóm 1, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang (vắng mặt).

*- Người kháng cáo:*

1. Công ty Cổ phần C.P. Việt Nam là nguyên đơn trong vụ án.

2. Ngân hàng TMCP Xăng dầu P là bị đơn trong vụ án.

*- Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Theo nội dung án sơ thẩm:**

*Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2012 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/3/2013, nguyên đơn Công ty Cổ phần C.P. Việt Nam thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ngày 11/11/2010 Công ty Cổ phần C.P. Việt Nam (gọi tắt là Công ty C.P.) ký hợp đồng mua bán số 32531/11-2010/HĐMB-C.P. với ông Võ Bá G. Theo đó Công ty C.P. bán giống thủy sản, thức ăn nuôi tôm cá và các sản phẩm khác dùng trong nuôi trồng thủy sản cho ông G. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, trong trường hợp mua bán hàng trả chậm thì ông G có nghĩa vụ thanh toán

trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận hàng đối với mỗi hóa đơn của các đơn hàng đã đặt mua.

Ngoài ra, để bảo đảm một phần nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, ông G đồng ý cung cấp chứng thư bảo lãnh của một ngân hàng thương mại, theo đó ngân hàng sẽ trả nợ thay cho ông G trong trường hợp ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty C.P..

Sau đó, Công ty C.P. đã nhận được bản chính chứng thư bảo lãnh số 0126/PGB.AG ngày 06/12/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu P - Chi nhánh An Giang (gọi tắt là PBank – CN An Giang) từ ông G. Theo đó, ngân hàng đồng ý bảo lãnh thanh toán cho ông G và cam kết sẽ trả cho Công ty C.P. tối đa là 02 tỷ đồng trong trường hợp ông G không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Quá trình bán hàng, Công ty C.P. đã giao hàng nhiều lần cho ông G với tổng giá trị lên đến vài tỷ đồng. Tuy nhiên, ông G không thanh toán hết mà thiếu nợ lại khoản tiền hàng tương ứng với số tiền mà PBank – CN An Giang đứng ra bảo lãnh, với số tiền cụ thể là 1.960.336.979 đồng. Công ty C.P. nhiều lần yêu cầu nhưng ông G vẫn cố tình không thanh toán tiền hàng.

Do ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C.P. đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu PBank – CN An Giang thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng ngân hàng từ chối không thanh toán vì cho rằng thư bảo lãnh thanh toán này không hợp lệ.

Công ty C.P. nhận thấy “Thư bảo lãnh thanh toán số 0126/PGB.AG, ngày 06/12/2010” được lập thành văn bản theo đúng quy định, nội dung bảo lãnh đúng quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng do chính người có thẩm quyền của chi nhánh ký và văn bản được đóng dấu của PBank – CN An Giang. Do đó, thư bảo lãnh này là hợp lệ và được pháp luật thừa nhận nên Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là PBank) không thể viện dẫn bất kỳ lý do nào để từ chối thanh toán. Vì vậy, Công ty C.P. khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1/ PBank thực nghĩa vụ bảo lãnh theo “Thư bảo lãnh số 0126/PGB.AG, ngày 06/12/2010”, do ông Bạch Phước H Giám đốc PBank – CN An Giang ký bảo lãnh cho ông Võ Bá G với số tiền là 1.960.336.979 đồng.

2/ Do PBank chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C.P. yêu cầu ngân hàng thanh toán thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự với số tiền là 441.075.820 đồng ( $1.960.336.979 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng}$ ).

Tổng số tiền mà Công ty C.P. yêu cầu tạm tính đến ngày 26/3/2023 là: 2.401.412.799 đồng. Khi vụ án được thụ lý, giải quyết thì Công ty C.P. yêu cầu PBank phải thanh toán tiền gốc và lãi suất chậm thanh toán tính từ thời điểm chậm thanh toán đến khi vụ án được xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn PBank do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Về mặt tố tụng: PBank chỉ đồng ý tham gia hòa giải khi có mặt đầy đủ đương sự của vụ án trong đó có ông Võ Bá G. Kiến nghị Tòa án xem xét triệu tập ông Bạch Phước H tham gia phiên tòa với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bởi: Ông H là người đã ký phát hành chứng thư bảo lãnh mà đến thời điểm hiện tại cả ông H và ông G đều công nhận là chứng thư không. Bên cạnh đó, ông G khi làm việc với PBank có khai là do ông H nhờ đứng tên trên hợp đồng mua bán với Công ty C.P. Các giao dịch đặt hàng, nhận hàng đều không phải chữ ký của ông G. Ông G không nhận hàng của Công ty C.P. nên PBank đề nghị Tòa án triệu tập ông H để làm rõ các chữ ký trên đơn đặt hàng, người nhận hàng từ Công ty C.P. có phải là của ông H không?

Về nội dung: PBank đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi “Thư bảo lãnh thanh toán số 0126/PGB.AG, ngày 06/12/2010” không có hiệu lực pháp luật.

Ông H phát hành thư bảo lãnh vượt thẩm quyền phán quyết do PBank ủy quyền. Bản thân Công ty C.P. có lỗi không kiểm tra thẩm quyền ký chứng thư bảo lãnh của ông H. Theo đó, trong hợp đồng mua bán hàng hóa với ông G các bên có thỏa thuận một trong các điều kiện để thư bảo lãnh có hiệu lực là khi “do người có thẩm quyền của ngân hàng ký bảo lãnh”. Thư bảo lãnh này không phải do người có thẩm quyền của PBank ký. Theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định về hậu quả của giao dịch dân sự do người không có thẩm quyền đại diện xác nhận thực hiện “không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện”.

Thư bảo lãnh vô hiệu toàn bộ vì:

- Bị lừa dối: Thư bảo lãnh do ông H phát hành hoàn toàn không có hồ sơ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Qua các buổi làm việc của ngân hàng với ông G, ông H đều được hai ông KH định không có việc ông G đề nghị ngân hàng phát hành bảo lãnh. Ông G không đặt hàng của Công ty C.P.. Như vậy hành vi của ông H là cố ý lừa dối PBank, lừa dối Công ty C.P. và ông G. Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, PBank đề nghị Tòa án xem xét tuyên vô hiệu chứng thư bảo lãnh do các bên trong giao dịch này bị lừa dối.

- Vi phạm điều cấm pháp luật: Theo quy chế bảo lãnh ngân hàng ban hành kèm theo quyết định số 26/2006/QĐ.NHNN, ngày 26/6/2006 thì hồ sơ đề nghị bảo lãnh bao gồm đầy đủ: Đề nghị bảo lãnh, các tài liệu kèm theo liên quan tới chứng thư bảo lãnh, thỏa thuận về mức phí, trình tự và thủ tục thực hiện thẩm định, xét, cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký chứng thư. Tuy nhiên thư bảo lãnh của ông H không ghi nhận trên hệ thống của ngân hàng, không do người có thẩm quyền ký, ngân hàng không thu phí. Bản thân ông H KH định tại tường trình gửi PBank rằng chứng thư phát hành không, không theo quy định của PBank và pháp luật. Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Giao dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu”.

Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về bồi thường thiệt hại do

người của pháp nhân gây ra không áp dụng trong trường hợp này vì: Pháp nhân chỉ bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra khi thực hiện nhiệm vụ do pháp nhân giao. Tuy nhiên, ông H đã phát hành thư bảo lãnh vượt thẩm quyền mà ngân hàng giao ủy quyền. Do đó, không phát sinh nghĩa vụ của ngân hàng với thư bảo lãnh này.

Đề nghị Tòa án xem xét, làm rõ có hay không giao dịch mua hàng, giao nhận hàng giữa Công ty C.P. và ông G bởi PBank nhận thấy giao dịch này có nhiều điểm không rõ ràng không đủ căn cứ khẳng định ông G là người đặt hàng và nhận hàng của Công ty C.P. cụ thể:

Tại các buổi làm việc với PBank và Công ty C.P. ông G luôn khẳng định từ thời điểm ký hợp đồng mua bán hàng hóa, chưa bao giờ đặt hàng và nhận hàng của Công ty C.P.. Toàn bộ số chữ ký trên đơn đặt hàng là giả. Các xác nhận công nợ của Công ty C.P. không nói rõ là hợp đồng mua bán nào nên ông G tưởng là xác nhận của năm 2010 của hợp đồng mua bán trước đó.

Hợp đồng mua bán và bản tự khai của Công ty C.P. năm 2018 có nhiều điểm chưa rõ ràng trong việc đặt hàng, giao hàng giữa các bên, theo đó:

- Hợp đồng giữa hai bên quy định: Đơn đặt hàng có thể gửi qua fax, tuy nhiên Công ty C.P. phải chịu trách nhiệm kiểm tra tính xác thực của chữ ký mẫu mà ông G đăng ký tại Công ty C.P. kiến nghị Tòa án yêu cầu Công ty C.P. cung cấp chữ ký mẫu của ông G để có căn cứ khẳng định về hình thức đặt hàng của Công ty C.P. đã hoàn thành thỏa thuận theo hợp đồng mua bán.

- Công ty C.P. khẳng định trước giờ gửi đơn qua fax, khi giao hàng ông G có gọi điện xác nhận, tuy nhiên Công ty C.P. không có bằng chứng khẳng định là các file ghi âm thể hiện ông G đích thân đặt hàng, nhận hàng. Việc đặt hàng chỉ qua fax (không phải chữ ký trước) nên không thể khẳng định đó là chữ ký của ông G. Người nhận hàng theo Công ty C.P. khai không phải là ông G nên cũng không thể khẳng định ông G đã nhận hàng từ Công ty C.P..

- Về người nhận hàng: Công ty C.P. không có bất kỳ công cụ nào để xác thực người nhận hàng do bên mua chỉ định (giấy ủy quyền, phương thức liên hệ,...). Người nhận hàng cũng không giao bản gốc đơn đặt hàng cho Công ty C.P. như thỏa thuận tại hợp đồng mua bán. Đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu của Công ty C.P. cung cấp các đơn đặt hàng bản gốc mà Công ty C.P. phải có theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán hàng hóa để xem xét về tính xác thực của chữ ký trên các đơn đặt hàng này.

- Việc Công ty C.P. KH định ông G xác nhận công nợ là thừa nhận nghĩa vụ với Công ty C.P. là không hợp lý bởi: Công ty C.P. và ông G đã có quan hệ mua bán từ trước năm 2011. Vì vậy hoàn toàn có khả năng ông G nhầm lẫn khi xác nhận công nợ vì tưởng là công nợ các năm trước đó. Đề nghị Công ty C.P. chứng minh thời điểm ký hợp đồng mua bán năm 2010 giữa Công ty C.P. và ông G không còn dư nợ trước đây.

Tại Bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C.P.: Buộc PBank trả cho Công ty C.P. số tiền 2.006.027.000 đồng. Trong đó: 1.000.000.000 đồng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo “Thư bảo lãnh số 0126/PGB.AG, do ông Bạch Phước H, Giám đốc PBank – CN An Giang ký ngày 06/12/2010” thay cho ông Võ Bá G và 1.006.027.000 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C.P.: Buộc PBank thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo “Thư bảo lãnh số 0126/PGB.AG, do ông Bạch Phước H, Giám đốc PBank – CN An Giang ký ngày 06/12/2010” thay cho ông Võ Bá G với số tiền là 3.894.587.306 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/3/2023 nguyên đơn Công ty C.P. có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09/3/2023 bị đơn PBank có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên PBank không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh số 0126/PGB-AG ngày 06/12/2010.

Ngày 13/3/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 08/QĐ-VKS-DS, kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm theo hướng căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp không đúng vì đây là vụ án kinh doanh thương mại, không phải là vụ án dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm xác định Thư bảo lãnh số 0126/PGB-AG ngày 06/12/2010 đã được lập theo đúng quy định pháp luật nhưng chỉ buộc bị đơn chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ một phần là không đúng quy định; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng không đúng căn cứ pháp lý khi tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Từ những căn

cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn trình bày: Ông Bạch Phước H ký phát hành Thư bảo lãnh số 0126/PGB-AG ngày 06/12/2010 không là vi phạm trình tự, thủ tục quy định của ngân hàng và pháp luật dân sự nên không có giá trị pháp lý. Hơn nữa cần làm rõ hợp đồng mua bán giữa Công ty C.P. và ông Võ Bá G vì ông G xác định ông không ký nhận hàng của Công ty C.P..

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu cho rằng ông H phát hành Thư bảo lãnh không đúng quy định, vượt quá thẩm quyền, nhưng phía nguyên đơn không kiểm tra tính pháp lý của Thư bảo lãnh. Theo Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 32531/11-2010/HĐMB-C.P ngày 11/11/2010 giữa Công ty C.P. với ông Võ Bá Giàu có quy định tính hiệu lực của Thư bảo lãnh nhưng nguyên đơn không tìm hiểu là lỗi của nguyên đơn và thống nhất theo yêu cầu của bị đơn là cần làm rõ hợp đồng mua bán giữa Công ty C.P. và ông Võ Bá G. Tuy nhiên do cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, thiếu người tham gia tố tụng nên thống nhất với kháng nghị của Viện kiểm sát là hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của Công ty C.P. và PBank trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm; Kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Theo hợp đồng mua bán số 32531/11-2010/HĐMB-C.P. ngày 11/11/2010 giữa bên bán (gọi là bên A) Công ty C.P. và bên mua (gọi là bên B) ông Võ Bá G. Tại Điều 3 của hợp đồng quy định về “Phương thức thanh toán và bảo đảm thanh toán”, khoản 3 Điều 3 thể hiện “... phạm vi, số tiền và thời hạn bảo lãnh của ngân hàng là bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên B đối với bên A (bao gồm tiền hàng trả chậm, tiền lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh do bên B vi phạm nghĩa vụ), có hiệu lực duy trì suốt thời gian nghĩa vụ thanh toán nợ của bên B đối với bên A chưa chấm dứt...”. Ngày 06/12/2010 PBank - CN An Giang phát Thư bảo lãnh thanh toán số 0126/PGB-AG có nội dung “....đồng ý cấp cho bên B Thư bảo lãnh thanh toán này và cam

kết sẽ trả cho bên A một khoản tiền tối đa 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ngay sau khi nhận được yêu cầu đòi tiền bằng văn bản của bên A ghi rõ nghĩa vụ của bên B đã không thực hiện đúng theo quy định trong hợp đồng”.

Theo đơn xin gia hạn nợ ngày 18/7/2011 của ông Võ Bá G thì tổng số tiền nợ là 1.960.336.799 đồng, nhưng ông G không thực hiện đúng theo cam kết. Ngày 15/11/2011 Công ty C.P. đã phát hành Công văn số 701/CVFF-KD thông báo cho PBank về việc ông G không thực hiện việc thanh toán số nợ còn thiếu và yêu cầu PBank thanh toán trước ngày 31/12/2011 (văn bản này PBank nhận ngày 26/11/2011).

Quá trình giải quyết vụ án, PBank không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng Thư bảo lãnh ông Bạch Phước H tự thực hiện không, thực tế ông G không đề nghị cấp Thư bảo lãnh và không có tài sản bảo đảm, ông H thực hiện không đúng quy trình cấp Thư bảo lãnh của PBank (không lập hồ sơ bảo lãnh, không ký hợp đồng bảo lãnh với bên được bảo lãnh, không có tài sản bảo đảm, vượt thẩm quyền hạn mức cấp bảo lãnh).

Tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn xác định chữ ký trong “Thư bảo lãnh thanh toán số 0126/PGB.AG, ngày 06/12/2010” đúng là của ông Bạch Phước H, Giám đốc PBank - CN An Giang và dấu mộc là của PBank - CN An Giang. Tuy nhiên do ông H không thực hiện đúng theo Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN ngày 26/6/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 157-09/QĐ-TGD, ngày 25/6/2009 của Tổng giám đốc PBank và trái với Bộ luật Dân sự nên Thư bảo lãnh không có giá trị thực hiện.

Theo khoản 18 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết, khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận”*. Theo Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN ngày 26/6/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế bảo lãnh ngân hàng thì *“Thư bảo lãnh là cam kết đơn phương bằng văn bản của tổ chức tín dụng”*.

Xét thấy PBank - CN An Giang là chi nhánh của PBank. Theo khoản 3 Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì *“Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của pháp nhân, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền”*; khoản 5 Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Pháp nhân có quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do văn phòng đại diện, chi nhánh xác lập, thực hiện”*. Do đó, PBank phải chịu trách nhiệm thực hiện cam kết bảo lãnh theo Thư bảo lãnh thanh toán số 0126/PGB.AG ngày 06/12/2010 do PBank - CN An Giang phát hành theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nhận thấy: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp về hợp

đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp vì: Khoản 12 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây: Nhận tiền gửi; Cấp tín dụng; Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản”*; Khoản 14 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”*. Do đó, Thư bảo lãnh thanh toán là hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng, nên tranh chấp của các đương sự là tranh chấp kinh doanh thương mại (giữa hai tổ chức đều có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận) quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang về việc Tòa án xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp là có cơ sở.

Về lãi suất, nguyên đơn không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự để tính lãi chậm thanh toán vì đây là vụ án kinh doanh thương mại, phải áp dụng Luật thương mại để tính lãi suất. Nhận thấy theo Điều 306 Luật thương mại quy định *“... yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn về lãi suất chậm thanh toán là có cơ sở để xem xét.

Đối với việc bị đơn cho rằng Thư bảo lãnh phát hành không, không đúng quy định nhưng phía nguyên đơn không tìm hiểu giá trị thực của Thư bảo lãnh là lỗi của nguyên đơn. Nhận thấy các quyết định của Ngân hàng nhà nước và của Tổng Giám đốc PBank được lưu hành nội bộ, người tiếp nhận Thư bảo lãnh không thể biết và không có nghĩa vụ phải tìm hiểu để biết các quy định nội bộ của ngân hàng; còn hợp đồng mua bán giữa Công ty C.P. và ông Võ Bá G có thực hay không cần phải xem xét làm rõ.

Về việc thiếu người tham gia tố tụng theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang: Hội đồng xét xử nhận thấy Thư bảo lãnh số 0126/PGB.AG, ngày 06/12/2010 do ông H ký với tư cách là Giám đốc PBank - CN An Giang, có đóng dấu của PBank - CN An Giang nên Thư bảo lãnh là văn bản do PBank phát hành, trong đó ông H chỉ ký với tư cách là người đại diện cho PBank. Do đó Viện kiểm sát đề nghị đưa PBank - CN An Giang tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những nhận định phân tích trên, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, dẫn đến áp dụng pháp luật không đúng, nên dẫn đến việc xét xử ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm

của Viện kiểm sát là hủy bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Phúc xử:**

Hủy bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty Cổ phần C.P. Việt Nam tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001485 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu P tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001444 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang giải quyết lại theo thủ tục chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lưu Hữu Giàu**